

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/HS-ST
Ngày 29-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Sự.

Bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vinh Thịnh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 529/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ma Văn H**, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1996 tại C, B, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hoá: lớp 5/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Văn L, sinh năm 1976 và bà Chu Thị M, sinh năm 1978; có vợ là Hoàng Thị N, sinh năm 1994 và 03 con; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13-3-2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Họ và tên: **Nông Văn Đ**, sinh ngày 12 tháng 9 năm 1998 tại C, B, Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: lớp 0/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn N (đã chết) và bà Ma Thị T, sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13-3-2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Lý Thị Nhung, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Hoàng Thị N, sinh năm 1994, nơi cư trú: Xóm N, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Hoàng Văn P, sinh năm 1999, nơi cư trú: Xóm Hát Hoan, xã Đức Hạnh, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 04 giờ 40 phút ngày 13 tháng 3 năm 2022, tại xóm T, xã Thượng Hà, huyện B, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Đội An ninh Công an huyện B phát hiện Ma Văn H đang điều khiển xe máy Honda Wave RSX, màu xanh đen, biển kiểm soát 11L1-127.02 và Nông Văn Đ điều khiển xe máy Honda RSX, màu đỏ đen, biển kiểm soát 97B1-038.55, mỗi xe chở theo một người Trung Quốc đi từ hướng xã B về thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Qua kiểm tra, hai người Trung Quốc là Lâm M, sinh năm 1989, có địa chỉ tại số 3-5, thôn S, trấn D, huyện G, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc và Trần Minh T, sinh năm 1983, có địa chỉ tại số 117, đường H, thôn H, hương C, huyện L, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc đều không có giấy tờ xuất nhập cảnh theo quy định nên tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa những người trên về trụ sở để điều tra làm rõ.

Mở rộng điều tra xác định được: Ngày 28-02-2022, Nông Văn Đ được một người đàn ông không biết họ tên, địa chỉ liên lạc vào tài khoản Wechat “Tun Tun” đặt vấn đề thuê đón, đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nhưng Đ không đồng ý mà gửi số điện thoại của Ma Văn H cho người đàn ông đó để hai người tự trao đổi với nhau. Khoảng 14 giờ ngày 11-3-2022, người đàn ông này dùng số điện thoại 0838.881.245 liên lạc với H và kết bạn với nhau qua mạng xã hội Wechat. Qua nói chuyện, người này thuê H tới ngày 12-3-2022 lên Mốc 551 biên giới Việt Nam - Trung Quốc thuộc xóm Nà Luông, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng đón hai người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và đưa về thị trấn B giao cho một người lái xe ô tô thì sẽ được trả số tiền 6.000.000 đồng/người. H đồng ý và gọi điện thoại cho Đ rủ Đ cùng đi đón người, H hứa trả công cho Đ 6.000.000 đồng. Khoảng 22 giờ ngày 12-3-2022, H điều khiển xe máy biển kiểm soát 11L1-127.02 đến khu vực biên giới gần Mốc 551 chờ đón người. Sau đó, H gọi điện thoại cho Đ bảo đi xe máy đến để cùng chở người nhưng xe của Đ bị hỏng,

H bảo Đ đến lán của H ở xóm N, xã C, huyện B lấy xe máy biển kiểm soát 97B1-038.55 mà trước đó H mượn của Hoàng Văn P để đi chưa trả. Khoảng 01 giờ ngày 13-3-2022, người đàn ông thuê H thông báo hai người Trung Quốc đã đến Mốc 551 nên H và Đ để xe máy ở đường rồi đi bộ theo đường mòn biên giới lên Mốc. Đến nơi, H lấy điện thoại di động quay video đón hai người Trung Quốc theo lời dặn của người thuê, sau đó H cùng Đ dẫn đường cho hai người Trung Quốc đi bộ đến chỗ để xe máy. Đến nơi, H và Đ mỗi người chở một người Trung Quốc bằng xe máy đến lán của H. Tại đây, người đàn ông thuê H gửi cho H số điện thoại của người lái xe ô tô đang chờ đón người ở thị trấn B để thống nhất thời gian, địa điểm giao nhận người. Thống nhất xong, H và Đ tiếp tục chở hai người Trung Quốc bằng xe máy hướng về thị trấn B, khi di chuyển đến địa phận xóm T, xã H, huyện B thì bị tổ công tác Công an huyện B phát hiện bắt giữ.

Tại phiên toà, bị cáo Ma Văn H và Nông Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị N khai: Chiếc xe máy Honda Wave RSX, biển kiểm soát 11L1-127.02 là tài sản chung của cả gia đình, đây là xe do vợ chồng cùng góp tiền với bố mẹ chồng mua lại xe cũ của anh Dương Văn T nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, gia đình chỉ có mỗi chiếc xe này để phục vụ việc đưa đón con đi học và đi lại, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe cho gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Văn P khai: Chiếc xe máy Honda Wave RSX, biển kiểm soát 97B1-038.55 là xe máy của anh mua lại xe cũ từ người bán sắt vụn chưa làm thủ tục sang tên, trước đó H và chị N về thăm quê ngoại có mua thêm hàng hóa nên mượn xe máy của anh để chở về chưa trả lại cho anh, anh đề nghị trả lại chiếc xe để sử dụng.

Ngày 27-6-2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ra Cáo trạng số: 47/CTr-VKSCB-P1 truy tố Ma Văn H, Nông Văn Đ về tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Ma Văn H, Nông Văn Đ về tội *“Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”* theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Ma Văn H, Nông Văn Đ về tội danh, điều luật đã viện dẫn trong quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu 02 điện thoại gồm: 01 điện thoại hiệu OPPO của Ma Văn H; 01 điện thoại hiệu REALME của Nông Văn Đ.

Trả lại cho H 01 ví tiền; 01 thẻ ATM; 4.600.000 đồng; trả lại cho Đ 560.000 đồng nhưng tạm giữ số tiền để bảo đảm thi hành án.

Trả lại xe máy biển kiểm soát 97B1-038.55 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Văn P.

Trả lại xe máy biển kiểm soát 11L1-127.02 cho gia đình Ma Văn H.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Lý Thị Nhung bào chữa cho bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, hành vi của các bị cáo tham gia với vai trò là người được thuê đón 02 người Trung Quốc để hưởng lợi tiền công. Nguyên nhân, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, bản thân không có việc làm ổn định, các bị cáo không nhận thức được hết hậu quả của hành vi do mình thực hiện. Các bị cáo không phải chủ mưu, bị cáo H giữ vai trò là người được thuê và bị cáo Đ là người được H rủ cùng thực hiện phạm tội. Hai bị cáo thực hiện hành vi lần đầu và chưa được hưởng lợi, là dân tộc thiểu số, có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự, thuộc hộ nghèo, H có con nhỏ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình. Đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cho hai bị cáo được hưởng mức án thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị. Về tài sản thu giữ, nhất trí với Viện kiểm sát đề nghị, không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ không bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị N, Hoàng Văn P không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, cả 02 bị cáo đều mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ và những người tham gia tố tụng

khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 04 giờ 45 phút ngày 13-3-2022 của Đội An ninh Công an huyện B, tỉnh Cao Bằng; bản tự khai của Ma Văn H, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của người bào chữa về quá trình thực hiện hành vi phạm tội; biên bản trích xuất dữ liệu điện tử từ 02 điện thoại di động tạm giữ của bị cáo H, Đ; phù hợp với lời khai của những người làm chứng là các công dân Trung Quốc được Ma Văn H, Nông Văn Đ tổ chức nhập cảnh trái phép vào Việt Nam cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ kết luận:

Ngày 12-3-2022, Ma Văn H được một người đàn ông gọi điện thoại và liên lạc qua mạng xã hội Wechat thuê đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực Mốc 551 thuộc xóm Nà Luông, xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng và đưa đến thị trấn B, huyện B, tỉnh Cao Bằng giao cho một người lái xe ô tô sẽ được trả số tiền 6.000.000 đồng/người. H đồng ý và rủ Nông Văn Đ cùng tham gia thực hiện, thống nhất nhận được tiền sẽ trả cho Đ 6.000.000 đồng. Khoảng 02 giờ ngày 13-3-2022, H và Đ lên Mốc 551 đón được hai người đàn ông Trung Quốc và dùng xe máy chở đến điểm hẹn giao người, nhưng khi di chuyển đến khu vực xóm T, xã Thượng Hà, huyện B, tỉnh Cao Bằng thì cả hai người bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, H và Đ đều chưa nhận được tiền công do chưa đưa được người đến điểm hẹn.

Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam của các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh, xâm phạm an ninh biên giới, tiềm ẩn nguy cơ làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm và phát sinh các tội phạm khác do người nhập cảnh, cư trú trái phép thực hiện. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc đón người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam để nhận tiền công. Hành vi tổ chức cho 02 công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép của các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Cả 02 bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ được hưởng có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên giảm một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, đồng thời các bị cáo có đủ điều kiện quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này, nhưng xét thấy gần đây các hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép xảy ra tại địa phương có chiều hướng diễn biến phức tạp, việc cho các bị cáo được hưởng án treo ảnh hưởng xấu đến công tác phòng chống tội phạm này nên không chấp nhận cho các bị cáo hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ chưa được hưởng lợi từ hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép, trước khi phạm tội các bị cáo đều có nghề nghiệp là trồng trọt, thu nhập thấp nên không áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 chiếc điện thoại di động (01 điện thoại hiệu OPPO của Ma Văn H; 01 điện thoại hiệu REALME của Nông Văn Đ) là phương tiện liên lạc thực hiện tội phạm thì tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA RSX, biển kiểm soát 11L1-127.02 thuộc quyền sở hữu chung của cả gia đình Ma Văn H, trong đó có bố mẹ H, khi H sử dụng xe máy chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép thì các thành viên trong gia đình không biết và đây cũng là chiếc xe máy duy nhất của gia đình phục vụ việc đi lại và đưa đón con H đi học nên trả lại cho gia đình H.

Đối với các đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội thì trả lại cho các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể:

Trả lại cho Ma Văn H 01 ví da, 01 thẻ ngân hàng AgriBank, số tiền 4.600.000 đồng.

Trả lại cho Nông Văn Đ số tiền 560.000 đồng nhưng tạm giữ một phần số tiền của H và Đ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho Hoàng Văn P 01 xe máy nhãn hiệu HONDA RSX, biển kiểm soát 97B1-038.55.

[6] Về án phí: Các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi phạm tội của người đàn ông đã thuê H đón người nhập cảnh trái phép và người lái xe ô tô đón người ở thị trấn B, cơ quan chức năng tiếp tục xác minh, thu thập tài liệu, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo, xử phạt:

+ Bị cáo Ma Văn H 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 13-3-2022.

+ Bị cáo Nông Văn Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam là ngày 13-3-2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại lấy tiền nộp vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 điện thoại di động của Ma Văn H. Điện thoại nhãn hiệu OPPO”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi: “01 điện thoại di động của Nông Văn Đ. Điện thoại nhãn hiệu REALME”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

Trả lại cho Ma Văn H:

- + 01 (một) ví da màu nâu đã qua sử dụng.
- + 01 (một) thẻ ATM AGRIBANK mang tên MA VAN HUAN.
- + Số tiền 4.600.000 đồng nhưng tạm giữ một phần của số tiền này bằng số tiền án phí mà H phải chịu để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho gia đình Ma Văn H:

- + 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA RSX, màu xanh đen. Xe gắn biển kiểm soát 11L1-127.02. Tình trạng xe đã qua sử dụng, cũ nát.

Số khung: RLHJA3813KY022417; Số máy: JA38E-0484220.

Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Trả lại cho Nông Văn Đ: Số tiền 560.000 đồng, nhưng tạm giữ một phần của số tiền này bằng số tiền án phí mà Đ phải chịu để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho Hoàng Văn P:

- + 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA đỏ đen bạc. Xe gắn biển kiểm soát 97B1-038.55. Tình trạng xe đã qua sử dụng, cũ nát.

Qua kiểm tra thực tế số máy đã bị mài mòn không xác định được số.

Số khung: JC43E6112806.

Có Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 28 tháng 3 năm 2022 kèm theo.

Số tiền 5.160.000 đồng (của Ma Văn H 4.600.000 đồng, của Nông Văn Đ 560.000 đồng) đã được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cục THADS tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 96 ngày 21 tháng 7 năm 2022.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo Ma Văn H, Nông Văn Đ có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan ANĐT công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại giam (02 bản);
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mã Văn Quân